

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày 15 tháng 10 năm 2019
V/v: Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến

Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc
- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1955 (Tên khác Nguyễn Thị Đ).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1952.

Đều có địa chỉ: Khu 4, xã H, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu T - Bị đơn trong vụ án
(Ông T, bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày 29/5/2016 tại đường liên khu, phía trước nhà văn hóa khu 4, xã H khi bà C đang đi bộ đúng đường bên phải thì bị ông Nguyễn Hữu T đi xe máy ngược chiều đâm vào, hậu quả là bà bị gãy chân. Sau khi sự việc xảy ra, ông T là người trực tiếp đưa bà C đến bệnh viện để cấp cứu. Tai nạn do ông T gây ra cho bà C do cả hai đều không mong muốn nên bà và ông T đều nhất trí hai bên tự thỏa thuận giải quyết, do vậy bà đã không trình báo sự việc nêu trên với bất cứ cơ quan nhà nước nào. Bà C điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ được 09 ngày thì xin về nhà điều trị ngoại trú, 20 ngày sau

tháo bột. Một năm sau bà C đến Bệnh viện huyện P để mổ tháo đinh vì khi điều trị tại Bệnh viện tỉnh Phú Thọ phải đóng đinh cố định.

Trong thời gian điều trị từ khi tai nạn xảy ra đến khi mổ tháo đinh là một năm ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của bà, bà chỉ có thể tự phục vụ cho sinh hoạt bản thân. Trong thời gian này có các con và cháu đến chăm sóc phục vụ bà về mọi việc như nấu cơm, giặt quần áo. Cũng trong thời gian này bà bị mất thu nhập, trước khi bị tai nạn, công việc của bà là làm ruộng và chăn nuôi.

Nay bà yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 24.775.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện (Bao gồm: Tiền chi phí điều trị, tiền mất thu nhập, tiền công người chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền thuê xe,...). Bà xác nhận ông T đã bồi thường được cho bà số tiền 5.800.000 đồng, số tiền ông T còn phải bồi thường tiếp là 18.975.000 đồng.

- *Bị đơn là ông Nguyễn Hữu T trình bày:* Khoảng 13 giờ ngày 29/5/2016 trên đoạn đường gần nhà văn hóa khu 4, xã H, ông điều khiển xe máy do không may có va chạm với bà Nguyễn Thị C. Lúc đó bà C đang đứng giữa đường tay có cầm một chiếc bàn nhựa, xe máy của ông đi qua, bà C cầm chiếc bàn bị ngoắc vào bánh xe máy của ông và kéo làm bà C ngã ra đường, bị gãy chân bên trái. Sau khi sự việc xảy ra, ông đã đưa bà C đến bệnh viện để điều trị. Ông cũng đã tự nguyện bồi thường cho bà C số tiền 5.800.000đ. Ông xác định nguyên nhân làm bà C gãy chân là do ông gây ra.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông T phải bồi thường số tiền 24.775.000 đồng, và xác nhận ông đã bồi thường số tiền 5.800.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 18.975.000 đồng. Quan điểm của ông T là không nhất trí, ông chỉ đồng ý bồi thường cho bà C $\frac{1}{2}$ số tiền mà bà C đã yêu cầu. Nếu bà C không đồng ý, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Áp dụng các điều 584, 585, 590, 601 và điều 357 Bộ luật dân sự.

Xử: Buộc ông Nguyễn Hữu T phải bồi thường thương tích cho bà Nguyễn Thị C với số tiền là : 24.775.000đ (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Xác nhận ông T đã bồi thường được cho bà C số tiền 5.800.000đ (*Năm triệu tám trăm nghìn đồng*), ông T phải bồi thường tiếp cho bà C số tiền còn lại là 18.975.000đ (*Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu, thỏa thuận thi hành án...

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo nội dung: Không đồng ý mức bồi thường thiệt hại như trong bản án sơ thẩm đã quyết định. Đề nghị Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xem xét lại mức bồi thường thiệt hại mà ông phải bồi thường cho bà C. Số tiền hơn 11.000.000đ bà C phải chi trả viện phí ông đề nghị mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T xét thấy không có cơ sở nên không được chấp nhận, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P buộc ông Nguyễn Hữu T bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tài sản từ việc ông Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô va chạm với bà tại đường liên khu nhà văn hóa khu 4, xã H, huyện P tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P đã xác định đây là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” và giải quyết đúng thẩm quyền.

Xét hình thức đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung ông Nguyễn Hữu T kháng cáo không đồng ý mức bồi thường như cấp sơ thẩm đã tuyên mà chỉ đồng ý bồi thường ½ tiền viện phí mà bà C đã chi. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy :

Ngày 29/5/2016 ông Nguyễn Hữu T điều khiển xe mô tô đi trên đường liên thôn tại xã H, có va chạm với bà C, hậu quả bà C bị gãy chân nên phải vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để điều trị từ ngày 25/9/2016 đến ngày 15/10/2016 nhưng không báo cơ quan chức năng là có thực được thể hiện tại lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Sau khi sự việc xảy ra, hai bên tự thỏa thuận ông T có trách nhiệm bồi thường cho bà C toàn bộ số tiền viện phí điều trị nên bà C không giám định tỷ lệ thương tích. Ông T bồi thường cho bà C được 5.800.000 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình như thỏa thuận vì cho rằng hậu quả chân bà C bị gãy có một phần lỗi của bà C. Vì vậy, bà C khởi kiện ra tòa, yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà số tiền 24.775.000 đồng (Bao gồm: Tiền chi phí điều trị, tiền mất thu nhập, tiền công người chăm sóc, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền thuê xe,...). Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho rằng đề nghị trên của bà C phù hợp với quy định của pháp luật cũng như chi phí thực tế trong quá trình điều trị nên buộc ông Nguyễn Hữu T phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 24.775.000 đồng, xác nhận ông T đã bồi thường được số tiền 5.800.000 đồng, ông T còn phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bà C số tiền 18.975.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc ông T cho rằng một phần nguyên nhân xảy ra do bà C cầm chiếc bàn bị ngoắc vào bánh xe máy của ông và kéo làm bà C ngã ra đường, hậu quả chân bà C bị gãy có một phần lỗi của bà C. Xét thấy, khi buộc ông T bồi thường toàn bộ thiệt hại Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá xem xét lời trình bày của ông T có căn cứ không để đánh giá lỗi, làm căn cứ buộc mức bồi thường là chưa toàn diện. Tuy nhiên, do bà C không thừa nhận lỗi, không có biên bản khám nghiệm hiện trường để xác định lỗi mà bản thân ông T cũng thừa nhận nguyên nhân bà C gây chân do ông gây ra. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc ông T bồi thường cho bà C như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm ông T không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào khác. Từ những phân tích trên cho thấy, kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện P

[3] Về án phí phúc thẩm: ông T là người cao tuổi xin miễn nộp án phí nên không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Áp dụng Điều 584, 585, 590, 357 Bộ luật dân sự; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hữu T phải bồi thường thương tích cho bà Nguyễn Thị C số tiền là: 24.775.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận ông T đã bồi thường cho bà C số tiền 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), ông T phải bồi thường tiếp cho bà C số tiền còn lại là 18.975.000đ (Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi được thi hành án xong, tất cả các khoản tiền bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357- BLDS 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Hữu T.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tiến

Lê Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thùy Hương